

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông
từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA IX, NHIỆM KỲ 2016-2021, KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 4125/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 7 năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

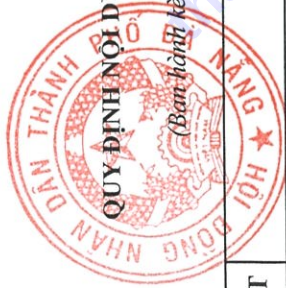
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Cục KTVB thuộc Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Thành ủy;
- UBND TP, UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND thành phố;
- Quận/Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- UBND các phường, xã;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng, Trung tâm TTVN (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Nho Trung

thaohh2-15/07/2020 17:11:44-thaohh2-thaohh2



PHỤ LỤC
QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 305/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
I	BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN VÀ ĐÀO TẠO	
1	Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp
2	Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật	Thực hiện theo các quy định tại: - Nghị quyết 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; - Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
3	Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các Khoản chi trực tiếp khác)	Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.
4	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu học trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông	
4.1	Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ	
a	Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước	
-	Chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ tối đa 100%

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
-	Chỗ ở cho học viên	- Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) - Thuế chỗ ở: Hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
b	Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước	
-	Chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ tối đa 100%
-	Chi phí tiền ăn	Hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
-	Tiền đi lại nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên	200.000 đồng/người/khóa học
-	Tiền đi lại đối với người khuyết tật theo quy định hiện hành nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên	300.000 đồng/người/khóa học
-	Chỗ ở cho học viên	- Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) - Thuế chỗ ở: Hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
4.2	Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ:	
a	Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo	
-	Chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ 100%
-	Chi phí tiền ăn	Hỗ trợ tối đa 100% theo mức quy định tại Phụ lục II ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
-	Tiền đi lại nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên	200.000 đồng/người/khóa học
-	Tiền đi lại đối với người khuyết tật theo quy định hiện hành nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên	300.000 đồng/người/khóa học

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
-	Chỗ ở cho học viên	- Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) - Thuê chỗ ở: Hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
b	Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	
-	Chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ 100%
-	Chi phí tiền ăn, đi lại	Tối đa không quá 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên
-	Chỗ ở cho học viên	- Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) - Thuê chỗ ở: Hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
c	Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông	
-	Chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo)	Hỗ trợ 50% chi phí
5	Chi khảo sát, học tập trong và ngoài nước	
a	Trong nước	Theo quy định tại Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
	Riêng tiền ăn	Theo quy định tại Khoản 4, Mục I Phụ lục này
b	Ngoài nước	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí
II	THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN	
1	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông; báo tin, trang thông tin điện tử khuyến nông	

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
a	Cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng thực hiện	Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng, theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt
b	Chi nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng	Thực hiện theo các quy định sau: - Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút, - Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, - Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác; - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 về ban hành quy định về chế độ chi trả nhuận bút, thù lao đối với công, trang thông tin điện tử và hệ thống đài truyền thanh cơ sở của thành phố Đà Nẵng
2	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập	Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
	Riêng mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo	Được vận dụng mức chi quy định tại Điều 5 Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.
3	Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng	Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
4	Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia	
	Chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức	Hỗ trợ tối đa 100%

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
5	Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06/5/2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 11/4/3/2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp
6	Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu thông tin khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15/02/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
III	XÂY DỰNG VÀ NHÂN RỘNG MÔ HÌNH	
1	Chi hỗ trợ giống, thiết bị, vật tư thiết yếu	Thực hiện theo quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 1 Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
a	Mô hình trình diễn ở hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền	Hỗ trợ tối đa 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình
b	Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình
2	Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình	
a	Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn
b	Chi hỗ trợ tiền ăn	Thực hiện theo quy định tại điểm 1.4, Khoản 1 Phụ lục này
c	Chi hỗ trợ tiền nước uống	Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố
d	Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu)	Theo quy định tại Nghị quyết 241/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố
3.3	Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình	Thực hiện theo quy định tại Mục I và II Phụ lục này
3.4	Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn	Bảng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI
IV	TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ KHUYẾN NÔNG	
1	Đổi với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm	Thực hiện theo quy định tại Mục I Phụ lục này
2	Đổi với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm	Thực hiện theo quy định tại Mục II Phụ lục này
3	Đổi với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng	Mức chi thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng căn cứ quy định pháp luật liên quan
V	HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHUYẾN NÔNG	
1	Hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp	Thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài
2	Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 240/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND thành phố quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại thành phố Đà Nẵng, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng